

# Thực trạng và định hướng nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

Trịnh Thị Anh Hoa\*<sup>1</sup>, Nguyễn Đức Minh<sup>2</sup>,  
Nguyễn Lê Văn Dung<sup>3</sup>, Phạm Thị Bích Đào<sup>4</sup>,  
Trịnh Văn Hà<sup>5</sup>

\* Tác giả liên hệ

<sup>1</sup> Email: hoatta@vnies.edu.vn

<sup>2</sup> Email: minhnd@vnies.edu.vn

<sup>3</sup> Email: dungnlv@vnies.edu.vn

<sup>4</sup> Email: daoptb@vnies.edu.vn

<sup>5</sup> Email: hatv@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,  
Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Khoa học quản lý giáo dục là một cấu phần của khoa học giáo dục, có vai trò quan trọng trong các hoạt động hoạch định chính sách, xây dựng đường lối, chủ trương giáo dục của Đảng và Nhà nước, đồng thời cung cấp hệ thống lý luận khoa học làm căn cứ nền tảng cho những hoạt động thực tiễn quản lý giáo dục. Nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục bao gồm các khía cạnh như: chính sách, chiến lược phát triển giáo dục, quy hoạch, dự báo giáo dục, quản lý, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý phát triển nguồn nhân lực. Bài viết phân tích thực trạng nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục trong 10 năm qua, đánh giá những thành tựu, đóng góp của khoa học quản lý cho sự phát triển khoa học giáo dục cũng như sự phát triển giáo dục, đồng thời chỉ ra những hạn chế, từ đó đề xuất định hướng nghiên cứu trong thời gian tới.

**TỪ KHÓA:** Khoa học giáo dục, khoa học quản lý, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

→ Nhận bài 09/11/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 21/11/2023 → Duyệt đăng 15/02/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410201>

## 1. Đặt vấn đề

Quản lý giáo dục là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của đổi mới căn bản và toàn diện hệ thống giáo dục. Nghiên cứu về quản lý giáo dục cung cấp hệ thống cơ sở lý luận phục vụ quá trình hoạch định chính sách, chiến lược giáo dục, đổi mới công tác quản lý ở cấp vĩ mô và vi mô, hoàn thiện thể chế giáo dục... [1], [2]. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Nghị quyết 29-NQ/TW) đã khẳng định: “Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý”. Trong đó “Quan tâm nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý, tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục” [3].

Nghiên cứu quản lý giáo dục có phạm vi rộng, gồm những nghiên cứu cơ bản cung cấp các luận cứ khoa học, xây dựng nền tảng vững chắc cho những nghiên cứu ứng dụng, triển khai, phục vụ công tác đổi mới quản lý giáo dục. Nghiên cứu về quản lý giáo dục cung cấp hệ thống lý luận vững chắc trên cả phương diện lý

luận và thực tiễn trong quản lý giáo dục cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý các cấp, giáo viên, các chuyên gia, các nhà khoa học... trong quá trình xây dựng, hoạch định chính sách, nghiên cứu, quản lý, tham gia giáo dục... hạn chế được tình trạng tổ chức theo kinh nghiệm [1], [2], [4]. Tuy nhiên, nghiên cứu về quản lý giáo dục còn nhiều khó khăn, bất cập: chưa thực sự chú trọng nghiên cứu hệ thống lý luận cơ bản, nghiên cứu liên ngành; thiếu nghiên cứu mang tính đón đầu, dự báo; chưa đáp ứng kịp thời theo yêu cầu đổi mới, phát triển của kinh tế - xã hội; chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng một nền tảng vững chắc cho sự nghiệp đổi mới và phát triển giáo dục Việt Nam.

Trong bối cảnh phát triển nhanh của khoa học và công nghệ, phát triển khoa học giáo dục nói chung và khoa học quản lý giáo dục nói riêng là yêu cầu cấp bách. Quá trình đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo chỉ có thể dựa trên những tư duy mới về giáo dục và quản lý giáo dục mới đảm bảo cho sự phát triển bền vững của sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế [5].

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái quát về khoa học quản lý giáo dục

Khoa học giáo dục được hiểu khái quát là khoa học về giáo dục con người, thực hiện việc nghiên cứu bản chất, quy luật, khuynh hướng diễn biến của các sự kiện, hiện tượng, quá trình giáo dục trong đời sống cũng như

mối quan hệ giữa giáo dục với điều kiện kinh tế - xã hội, qua đó xác định thực trạng, đề xuất giải pháp và dự báo tương lai phát triển của sự nghiệp giáo dục. Một số lĩnh vực cơ bản của khoa học giáo dục là: Sư phạm học (chung và môn học, cấp học); Sinh lý học; Tâm lý học giáo dục; Kinh tế học giáo dục; Khoa học quản lý giáo dục; Xã hội học giáo dục; Triết học giáo dục; Lịch sử giáo dục; Giáo dục so sánh; Đo lường, đánh giá và thống kê giáo dục; Tin học và công nghệ thông tin trong giáo dục; Khoa học dự báo giáo dục... [1], [2], [4].

Khoa học quản lý giáo dục là một bộ phận của khoa học giáo dục, tập trung nghiên cứu các hiện tượng, các vấn đề và quá trình quản lý giáo dục nhằm làm rõ những đặc tính, mối quan hệ và quy luật của quá trình quản lý hoạt động giáo dục ở cấp vi mô và vĩ mô. Khoa học quản lý giáo dục thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển những quan điểm, lý luận, quy trình liên quan đến quản lý, các đặc trưng và quy luật của lĩnh vực giáo dục và quản lý là cơ sở để phát triển lý luận khoa học quản lý giáo dục. Ngoài ra, cơ sở phương pháp luận để ứng dụng và nghiên cứu các vấn đề về khoa học quản lý giáo dục là các triết lý, hệ tư tưởng... [1], [2], [4]. Cũng như bất kỳ một lĩnh vực nghiên cứu khoa học khác, nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục bao gồm những hoạt động có chủ đích, có hệ thống nhằm nâng cao sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng... phục vụ giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực lao động hiện đại, đáp ứng mục tiêu phát triển toàn diện và bền vững của đất nước. Nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục vừa mang tính lý thuyết, chiến lược vừa đảm bảo gắn với thực tiễn cuộc sống, có tính ứng dụng cao, phù hợp nhu cầu của phát triển giáo dục và phát triển xã hội. Để giải quyết các vấn đề do quản lý giáo dục đặt ra, các nhà nghiên cứu phải dựa trên cơ sở khoa học, kinh nghiệm thực tiễn, dự báo phát triển để tìm ra phương pháp giải quyết vấn đề gắn với các yếu tố về khoa học, quy luật khách quan [4].

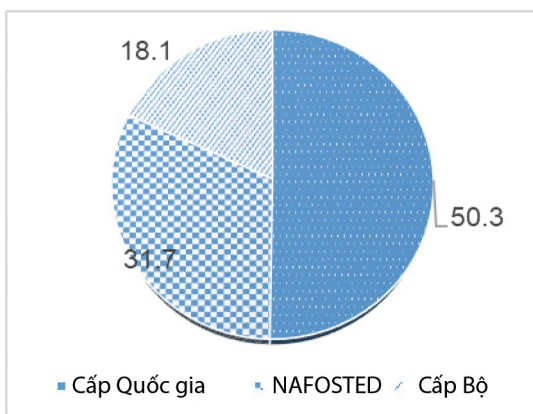
## 2.2. Kết quả nghiên cứu quản lý giáo dục

Tổng quan 111 công trình nghiên cứu về quản lý giáo dục trong vòng 10 năm qua, gồm các đề tài Nhà nước thuộc Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Quốc gia (29,1%), đề tài Quỹ NAFOSTED (30,5%) và đề tài cấp Bộ (40,4%) (xem Biểu đồ 1) về các lĩnh vực liên quan đến quản lý giáo dục: chiến lược (10,8%), chính sách (14,4%), hoàn thiện thể chế (10,8%), hệ thống giáo dục quốc dân (14,4%) và mô hình, quản lý, quản trị cơ sở giáo dục (20,6%), phát triển đội ngũ (27,3%) (xem Biểu đồ 2).

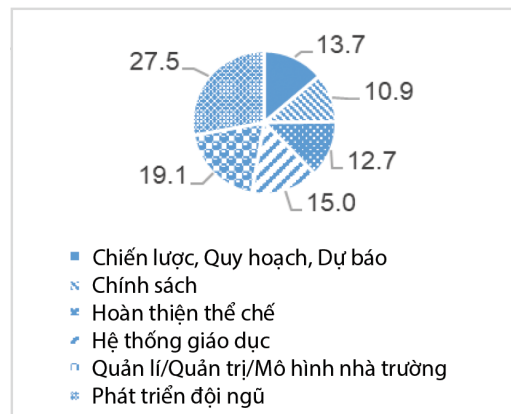
### 2.2.1. Thành tựu

Trong những năm vừa qua, nghiên cứu về quản lý giáo dục được chú trọng và từng bước phát triển góp phần đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục, quản trị cơ sở giáo dục, hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân và đổi mới cơ chế quản lý, chính sách phát triển giáo dục trong bối cảnh kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Những thành tựu nổi bật của nghiên cứu khoa học quản lý trong thời gian qua như sau:

- *Nghiên cứu phương pháp luận xây dựng và phát triển chiến lược giáo dục, quy hoạch phát triển giáo dục*: Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục là nội dung cơ bản của khoa học quản lý giáo dục. Các nghiên cứu về cơ sở khoa học xây dựng chiến lược phát triển giáo dục, chiến lược phát triển nguồn nhân lực... Các công trình nghiên cứu đề cập đến cách tiếp cận, cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục: hệ thống khái niệm, quy trình, phương pháp xây dựng chiến lược, quan điểm, định hướng chiến lược phát triển giáo dục [2], [5], [6], [7]; Nghiên cứu đánh giá việc thực hiện chiến lược phát triển giáo dục đề cập đến khái niệm, chỉ số và quy trình, phương pháp luận đánh giá... [4], [6], [7]; Nghiên cứu Dự báo phát triển giáo dục đề cập đến tiếp cận, phương pháp dự báo nhu cầu giáo dục (học sinh, giáo viên,



Biểu đồ 1: Tỷ lệ đề tài nghiên cứu về khoa học quản lý theo cấp quản lý



Biểu đồ 2: Tỷ lệ đề tài nghiên cứu về khoa học quản lý theo vấn đề nghiên cứu

nhân lực ...) [2], [3], [7]; Nghiên cứu quy hoạch cơ sở giáo dục đề cập đến các vấn đề phương pháp luận quy hoạch: khái niệm, quan điểm, quy trình, phương án quy hoạch các cơ sở giáo dục... trong đó nhấn mạnh đến cơ sở khoa học phân bố, sắp xếp các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo vị trí địa lí, vùng lãnh thổ, trên toàn quốc và từng địa phương, cho từng thời kì để cụ thể hóa chiến lược phát triển giáo dục, làm căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội [2], [3], [7]... Như vậy, các nghiên cứu về xây dựng chiến lược và quy hoạch đã tiếp tục phát triển nền tảng lí luận cơ bản về khoa học chiến lược giáo dục, đặc biệt là phương pháp tiếp cận, quy trình xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển giáo dục và bộ chỉ số giám sát thực hiện chiến lược làm cơ sở quan trọng cho việc xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục 2021-2030 cũng như quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và sự phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, nhu cầu học tập của người dân và nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quốc gia.

- *Hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lí giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.* Nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học để hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lí giáo dục trong bối cảnh nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp 4.0 là lĩnh vực được chú trọng trong nghiên cứu về quản lí giáo dục thời gian vừa qua. Các công trình nghiên cứu này tập trung chính vào các vấn đề về quản lí Nhà nước, phân cấp quản lí giáo dục, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong đó tập trung vào: 1) Nghiên cứu cơ sở khoa học để hoàn thiện thể chế giáo dục như: Nghiên cứu xây dựng và sửa đổi Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Đại học, Luật Nhà giáo; Nghiên cứu quản lí Nhà nước; 2) Cơ chế quản lí: Quản lí Nhà nước về giáo dục đại học: Kinh nghiệm từ Trung Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam; Đổi mới phương thức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước cho giáo dục đại học; 3) Mô hình quản lí và quản lí chất lượng giáo dục là vấn đề tiếp tục được quan tâm nghiên cứu trong những năm gần đây nhằm nâng cao chất lượng và hiện đại hóa giáo dục tiệm cận với trình độ giáo dục thế giới: mô hình trường đại học đáp ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; Quốc tế hóa giáo dục; Nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; Mô hình học tập linh hoạt; Phát triển bền vững các trường đại học ngoài công lập ở Việt Nam; 4) Các yếu tố, quy trình đảm bảo chất lượng và an toàn trường học, nhất là trong bối cảnh tự chủ: khung đánh giá năng lực giảng viên; Khung kiểm soát nội bộ; Thanh tra nội bộ trong các cơ sở giáo dục đại học; Quản lí giảm thiểu rủi ro thiên tai trong trường học; Yếu tố ảnh hưởng đến hiệu

suất của giáo dục đại học ở Việt Nam; Mô hình trường đại học cộng đồng ở Việt Nam đáp ứng nhu cầu nhân lực địa phương trong bối cảnh công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế; Nghiên cứu cơ hội và điều kiện để xuất khẩu giáo dục đại học và cao đẳng Việt Nam thông qua việc thu hút sinh viên quốc tế; Cải cách giáo dục ở một số quốc gia Đông Nam Á từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, từ đó rút ra bài học về đổi mới giáo dục cho Việt Nam... [2], [5], [6]. Các nghiên cứu về hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lí giáo dục, quản lí chất lượng giáo dục đã góp phần xây dựng và hoàn thiện Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Đại học sửa đổi...; Từng bước giải quyết các “nút thắt” trong phát triển giáo dục.

- *Nghiên cứu đổi mới chính sách quốc gia phát triển giáo dục:* Nghiên cứu chính sách giáo dục là thành tố quan trọng trong khoa học quản lí giáo dục. Các công trình nghiên cứu chính sách trong thời gian qua đề cập đến các vấn đề: 1) Chính sách đảm bảo công bằng, cơ hội tiếp cận giáo dục: chính sách phát triển giáo dục mầm non; Chính sách hỗ trợ sinh viên sư phạm...; 2) Chính sách phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục: nghiên cứu công dân toàn cầu Việt Nam; phát triển giáo dục STEM...; 3) Chính sách về tạo động lực và phát triển đội ngũ: chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo; 4) Chính sách tài chính: chính sách học phí cho các cơ sở giáo dục và đào tạo; 5) Chính sách nghiên cứu khoa học, chính sách hợp tác nâng cao hiệu quả hợp tác giữa đại học và doanh nghiệp; 6) Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo... Các nghiên cứu đã cung cấp cơ sở khoa học cho việc đề xuất hệ thống giải pháp thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW và Nghị quyết 44/NQ-CP... [1], [2], [6], [8], [9]. Bên cạnh các nghiên cứu chính sách, giai đoạn này nghiên cứu tác động của các chính sách từng bước được nghiên cứu triển khai: Nghiên cứu tác động của chính sách giáo dục đối với thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn; Đánh giá vai trò của nhà nước trong chiến lược triển khai tự chủ đại học và mức độ tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam [6], [9]. Các nghiên cứu về chính sách đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho các chủ trương chính sách phát triển giáo dục của Đảng về giáo dục và đào tạo trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, hội nhập quốc tế, Cách mạng công nghiệp 4.0, nhất là chủ trương, chính sách phát triển giáo dục trong Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng lần thứ XIII.

- *Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân* tiếp tục được triển khai, trong đó có các nghiên cứu triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Phân luồng học sinh sau trung học cơ sở... Việc nghiên cứu triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục đại học làm cơ sở khoa học để xây



dựng, phê duyệt chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành, khối ngành của từng lĩnh vực trong giáo dục đại học nhằm đổi mới hoạt động đào tạo gắn với bảo đảm, nâng cao chất lượng của giáo dục đại học Việt Nam; Thiết lập mối quan hệ với khung trình độ quốc gia của các nước trong khu vực và trên thế giới; Tạo ra cơ chế liên thông giữa các trình độ đào tạo; Xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời. Nghiên cứu phân luồng học sinh sau trung học cơ sở góp phần tạo luận cứ khoa học để Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông”... [1], [2], [5], [6].

- *Đổi mới quản trị giáo dục*: Nghiên cứu áp dụng các mô hình quản trị hiện đại vào trường học: Mô hình quản trị cơ sở giáo dục phổ thông theo tiếp cận quản trị dịch vụ giáo dục và thí điểm tự chủ tại một số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; Tăng cường quyền tự chủ trường học, từng bước thực hiện phân cấp quản lý, tạo cho cơ sở giáo dục quyền chủ động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, sử dụng hiệu quả nguồn lực để đáp ứng nhu cầu giáo dục người dân và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo. Nghiên cứu tự chủ và các giải pháp tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học đã đề xuất mô hình tự chủ đại học và các giải pháp để phát triển mô hình tự chủ trong giáo dục đại học [6], [10], [11].

- *Nghiên cứu về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*: Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đóng vai trò quan trọng, quyết định chất lượng của nền giáo dục. Các nghiên cứu về đội ngũ nhà giáo trong những năm qua tập trung vào các vấn đề: 1) *Tuyển sinh và đào tạo đội ngũ nhà giáo*: Nghiên cứu phát triển mô hình hợp tác hiệu quả giữa trường đại học và trường phổ thông trong đào tạo giáo viên ở Việt Nam [2], [5], [6]. Nghiên cứu đã chỉ ra các thành tố của mô hình, các giải pháp phối hợp, hợp tác để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo đội ngũ nhà giáo. 2) *Quản lý sử dụng đội ngũ nhà giáo*: Quản lý sử dụng đội ngũ nhà giáo bao gồm tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhà giáo. Trong những năm gần đây, nghiên cứu chủ yếu tập trung vào bồi dưỡng, phát triển năng lực cho đội ngũ nhà giáo để thực hiện Chương trình Giáo dục 2018 đối với giáo viên phổ thông: Nghiên cứu về năng lực phát triển chương trình các môn học; Năng lực dạy học, tư duy các môn học (Công nghệ, Ngữ văn, Toán ở phổ thông); Năng lực giáo dục (STEAM), năng lực tích hợp (các môn khoa học), năng lực thực hành nghề nghiệp (giáo viên phổ thông và giáo viên dạy giáo dục hòa nhập; Năng lực nghiên cứu khoa học; phát triển chuyên môn nghiệp vụ; Năng lực quản lý lớp học. Đối với giảng viên cao đẳng, đại học: phát triển khung năng lực nghề nghiệp tổng quát, nghiên cứu năng lực giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học và các yếu tố ảnh hưởng (quản

trị tri thức, công bố quốc tế). Nghiên cứu phát triển mô hình lãnh đạo chuyên môn nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục [2], [5], [6]. Các nghiên cứu phát triển năng lực đã tạo nền tảng cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc chuẩn bị cho đội ngũ giáo viên về năng lực, phẩm chất để đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế; 3) *Xây dựng môi trường và tạo động lực phát triển đội ngũ nhà giáo*. Các nghiên cứu về vấn đề này tập trung vào lý luận và thực tiễn môi trường giáo dục và những nhân tố tạo nên động lực của giáo viên và chỉ số đánh giá sự hài lòng công việc của giáo viên phổ thông... [2], [5], [6]. Các nghiên cứu này làm cơ sở quan trọng trong việc đổi mới các chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo, đặc biệt là chính sách về lương, chính sách hỗ trợ các điều kiện làm việc.

### 2.2.2. Hạn chế

Trong những năm qua, số lượng và nội dung của các đề tài nghiên cứu về quản lý giáo dục ngày càng tăng và có tính đa dạng cao. Tuy nhiên, các nghiên cứu còn tản mạn, thiếu tính đồng bộ, thiếu các nghiên cứu “đón đầu” nhằm cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn để đảm bảo thực hiện thành công và có chất lượng công cuộc đổi mới giáo dục và đào tạo Việt Nam. Nhiều vấn đề bức xúc của quản lý giáo dục như đổi mới tư duy, quản lý giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quản lý giáo dục nói chung và quản lý cơ sở giáo dục và đào tạo nói riêng cũng như các chính sách phát triển giáo dục đáp ứng yêu cầu đáp ứng yêu cầu đổi mới, nhất là trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, hội nhập quốc tế... mới chỉ bước đầu nghiên cứu hoặc còn đang bỏ trống.

Các công trình nghiên cứu về đội ngũ quản lý giáo dục, đội ngũ nhà giáo còn vắng bóng như: Mô hình đào tạo giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; Nghiên cứu tác động của đổi mới Chương trình Giáo dục mầm non, phổ thông và đại học đến đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo; Nghiên cứu mô hình quản lý đội ngũ nhà giáo; Nghiên cứu phát triển đội ngũ nhà giáo thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới giáo dục vì sự phát triển bền vững; Nghiên cứu về chính sách thu hút người giỏi, tạo động lực cho giáo viên yên tâm công tác trong nghề... hầu như không có nghiên cứu nào về hội nhập quốc tế về nhà giáo. Hơn thế nữa, xuất hiện xu hướng và nhu cầu nghiên cứu những lĩnh vực khoa học liên ngành. Vì vậy, những đề tài nghiên cứu liên ngành hiện nay có tính chất phức tạp, kết hợp tri thức của các lĩnh vực khác nhau, không chỉ dừng lại là lý luận và phương dạy học, tâm lý học, giáo dục học, quản lý giáo dục... Những vấn đề này chưa được đầu tư quan tâm trong công tác nghiên cứu.

Nhìn chung, các nghiên cứu về quản lý giáo dục chưa

thực sự tạo được nền tảng vững chắc, phục vụ yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; thiếu sự gắn kết chặt chẽ giữa công tác nghiên cứu và hoạch định chính sách. Điều đó thể hiện trong việc một số nội dung nảy sinh trong thực tiễn chưa được nghiên cứu giải đáp như vấn đề về phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở và liên thông; quản lý Nhà nước về giáo dục; quản trị cơ sở giáo dục; quản lý đội ngũ nhà giáo trong bối cảnh tự chủ và hội nhập quốc tế; hợp tác công tư trong phát triển giáo dục; dự báo phát triển giáo dục; hệ sinh thái giáo dục đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

### **2.3. Định hướng nghiên cứu đổi mới quản lý giáo dục trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa xã hội nghĩa, Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế**

#### **2.3.1. Bối cảnh kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế tác động đến phát triển giáo dục**

Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” [12]. Trong bối cảnh kinh tế thị trường, cạnh tranh kinh tế toàn cầu, các nước đều coi nguồn nhân lực là công cụ quan trọng nhất để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Hơn nữa, sự phát triển của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và kinh tế tri thức, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững... đòi hỏi nhu cầu cao về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao để bảo đảm nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, coi trọng năng suất, chất lượng và hiệu quả. Điều này đã đặt ra nhu cầu rất lớn đối với việc đổi mới quản lý để tương thích với nền kinh tế thị trường hội nhập quốc tế, đổi mới giáo dục để đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn phát triển đất nước. Do đó, giáo dục cần phải đổi mới quản lý theo hướng phân cấp triệt để, tăng quyền tự chủ, tính trách nhiệm cho các cơ quan quản lý giáo dục các cấp từ trung ương đến địa phương và đến các cơ sở giáo dục; chuyên quản lý Nhà nước theo hướng quản lý chất lượng trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, bảo đảm công khai, minh bạch; có cơ chế chính sách đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục và đào tạo; tạo cơ chế đặc thù để phát triển giáo dục, đặc biệt là các loại hình dịch vụ giáo dục, tăng cường hợp tác quốc tế, áp dụng công nghệ tiên tiến và các mô hình giáo dục hiện đại... để đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

#### **2.3.2. Các định hướng nghiên cứu đổi mới quản lý giáo dục**

##### *a. Nghiên cứu tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, sâu sắc và toàn diện tư duy trong quản lý giáo dục*

Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta đến năm 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Để thực hiện được điều này, Đảng đã đề ra giải pháp: 1) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường...; 2) Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 3) Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao... [12]. Việc hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp 4.0, nhu cầu học tập của nhân dân ngày càng cao, càng gia tăng, đòi hỏi một nguồn nhân lực mới lớn về quy mô, cao về chất lượng để phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế. Muốn thực hiện được mục tiêu này, vấn đề đầu tiên trong quản lý giáo dục cần nghiên cứu để đổi mới tư duy quản lý giáo dục căn bản, toàn diện và sâu sắc, đó là nghiên cứu tư duy quản lý giáo dục theo hướng thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; quản lý giáo dục theo quản lý chất lượng; xác định các ưu tiên chiến lược trong giáo dục và đảm bảo môi trường pháp lý cho giáo dục phát triển trong mối quan hệ hữu cơ giữa xã hội - Nhà nước - nhà trường - người học.

##### *b. Nghiên cứu lý luận về quản lý giáo dục nói chung và quản lý hệ thống cơ sở giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*

Trước bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp 4.0, hầu hết các nước trong khu vực và trên thế giới đều tiến hành cải cách/đổi mới giáo dục hoặc điều chỉnh chiến lược phát triển giáo dục của nước mình. Để đáp ứng yêu cầu này cùng với đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, nghiên cứu quản lý giáo dục Việt Nam cần tập trung vào các vấn đề sau: 1) Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý giáo dục và quản lý cơ sở giáo dục; 2) Nghiên cứu luận cứ khoa học xây dựng chiến lược: Chiến lược phát triển giáo dục; Chiến lược phát triển cơ sở giáo dục; Chiến lược chuyển đổi số; Chiến lược phát triển bền vững; Chiến lược phát triển đội ngũ... 3) Nghiên cứu vận dụng các quy luật của thị trường vào giáo dục; 4) Nghiên cứu đổi mới quản lý giáo dục: phân cấp quản lý giáo dục theo hướng tăng quyền tự chủ và tính trách

nhệm xã hội cho cơ sở, đảm bảo tính công bằng, dân chủ trong giáo dục; theo hướng quản lý giáo dục chất lượng, hiện đại, dân chủ, công bằng: nghiên cứu quản lý giáo dục thông qua chuẩn giáo dục để chuyển đổi từ truyền đạt tri thức sang tích lũy tri thức, vận dụng tri thức và biến các tri thức này thành “sản phẩm tri thức”, lấy chất lượng giáo dục làm mục tiêu hàng đầu của quản lý giáo dục; 5) Nghiên cứu quản lý phát triển giáo dục theo nhu cầu xã hội và nhu cầu người học. Quản lý giáo dục lấy nhân tố người học là nhân tố cơ bản để làm động lực cho giáo dục phát triển; 6) Nghiên cứu hệ thống tiêu chí, chỉ báo thống kê, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, tương thích với với thế giới; Dự báo xu hướng giáo dục và nhu cầu đào tạo nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; 7) Nghiên cứu đổi mới quản lý giáo dục từ hệ thống kiểm soát sang hệ thống giám sát dân chủ, phát huy quyền làm chủ của người học, của thầy cô giáo, của nhà trường, của từng cơ sở giáo dục.

### *c. Nghiên cứu chính sách phát triển giáo dục*

Các nghiên cứu chính sách và đánh giá tác động chính sách phát triển giáo dục tập trung vào: 1) Chính sách đảm bảo công bằng trong giáo dục: Chính sách phổ cập giáo dục và giáo dục bắt buộc; chính sách hỗ trợ các đối tượng yếu thế tiếp cận giáo dục; 2) Cơ chế, chính sách đảm bảo nguồn lực cho xã hội: Chính sách đầu tư cho phát triển giáo dục; Chính sách xã hội hóa giáo dục; Chính sách phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập; Chính sách hợp tác công tư trong giáo dục; 3) Chính sách duy trì và bảo tồn các giá trị văn hóa, truyền thống và xây dựng văn hóa nhà trường; 4) Chính sách phát triển Chương trình giáo dục; 5) Cơ chế giám sát Nhà nước, giám sát của xã hội đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo [5]...

*d. Nghiên cứu quản lý giáo dục hướng tới xây dựng một nền giáo dục mở, chất lượng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, một nền giáo dục đủ sức cạnh tranh quốc tế*

Nghiên cứu xây dựng nền giáo dục mở đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân. Nền giáo dục đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đạt trình độ tiên tiến trên thế giới vào năm 2045 [12]. Nghiên cứu tập trung vào: 1) Đổi mới hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng xây dựng hệ thống mở linh hoạt và liên thông, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời, bảo đảm cơ cấu trình độ; cơ cấu loại hình; cơ cấu quy mô; cơ cấu ngành nghề; cơ cấu chất lượng; cơ cấu vùng miền; cơ cấu xã hội; cơ cấu đầu tư; cơ cấu đào tạo và nghiên cứu khoa học; cơ cấu đội ngũ nhà giáo; cơ cấu hợp tác quốc tế; cơ cấu quản lý và thể chế... phù hợp với điều kiện Việt Nam và xu thế phát triển giáo dục thế giới. Hệ sinh thái giáo dục đáp

ứng nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; Phân loại cơ sở giáo dục đại học và các chương trình đào tạo; quản lý chất lượng giáo dục các cấp học, trình độ đào tạo và loại hình cơ sở giáo dục [5]; 2) Nghiên cứu các mô hình quản lý giáo dục: Nghiên cứu các mô hình quản lý giáo dục trên thế giới theo cách tiếp cận hệ thống trong quản lý: Mô hình tự chủ, trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục và đào tạo; Mô hình giáo dục chia sẻ, giáo dục số đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời; Mô hình quản trị cơ sở giáo dục và đào tạo; Mô hình hợp tác phát triển công tư trong giáo dục...[1].

*e. Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*

Mọi quốc gia đều coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, tất cả đều quan tâm đến giáo dục, luôn tạo điều kiện để giáo dục đi trước một bước. Giáo dục thực sự trở thành yếu tố quyết định trong phát triển đất nước và cạnh tranh quốc tế. Phát triển giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực là con đường duy nhất để đẩy nhanh nền kinh tế mỗi nước, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã khẳng định: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao” là đột phá chiến lược [12]. Để đáp ứng yêu cầu này, cần tập trung nghiên cứu: 1) Nguồn nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế; Nghiên cứu tác động, mối quan hệ của nguồn nhân lực đến phát triển kinh tế - xã hội; Nghiên cứu các giải pháp phát triển văn hóa, xây dựng con người... 2) Nghiên cứu phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý: Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế [6]; Nghiên cứu chính sách thu hút người giỏi vào nghề và tạo động lực cho giáo viên yên tâm công tác trong nghề; Nghiên cứu hội nhập quốc tế về đội ngũ nhà giáo...

### **3. Kết luận**

Trong những năm qua, nghiên cứu quản lý giáo dục đã và đang được triển khai qua nhiều đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp, từ đề tài thuộc chương trình quốc gia khoa học giáo dục, đề tài Quỹ NAFOSTED đến đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ... Các nghiên cứu về quản lý giáo dục đã cung cấp luận cứ khoa học để hoàn thiện thể chế, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, giải quyết những vấn đề trong thực tiễn quản lý và hoạt động giáo dục, phục vụ chủ trương phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước trong bối cảnh đổi mới, hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp 4.0. Đề nghiên cứu khoa học quản lý phục vụ đặc lực cho công cuộc Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào



tạo, Nhà nước cần quan tâm đầu tư phát triển khoa học giáo dục nói chung và khoa học quản lý giáo dục nói riêng về: nguồn lực, cơ sở vật chất, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu, có chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, thu hút đội ngũ chuyên gia giỏi tham gia nghiên cứu và phát triển khoa học quản lý giáo dục.

**Lời cảm ơn:** Bài báo là kết quả nghiên cứu của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: Cơ sở khoa học của các đề xuất định hướng nghiên cứu về khoa học giáo dục Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, Mã số B2022-VKG21.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Trịnh Thị Anh Hoa - Nguyễn Thị Hòa, (2021), *Định hướng nghiên cứu chính sách và chiến lược phát triển giáo dục trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Quản lý giáo dục trong bối cảnh hiện nay, Ban Nghiên cứu Chính sách và Chiến lược phát triển giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [2] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, (2022), *Nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam: Thực trạng và định hướng*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học giáo dục với Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2013), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [4] Phan Văn Kha - Nguyễn Lộc, (2011), *Khoa học giáo dục Việt Nam từ đổi mới đến nay*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Phan Văn Kha, (2022), *Khoa học giáo dục với sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo “Khoa học giáo dục với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2022), *Báo cáo tổng kết Chương trình khoa học và công nghệ cấp Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu Đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam*.
- [7] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, (2017), *Báo cáo Đánh giá giữa kỳ thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020*.
- [8] Mạc Thị Việt Hà, (2020), *Nghiên cứu chính sách hỗ trợ tài chính cho học sinh, sinh viên sư phạm*, B2019-VKG-02NV.
- [9] Trịnh Thị Anh Hoa, (2013), *Đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của người nghèo ở các tỉnh miền núi phía Bắc trong điều kiện xã hội hóa giáo dục các hoạt động giáo dục ở Việt Nam*, mã số: B2011-37-04.
- [10] Nguyễn Thế Thắng, (2022), *Mô hình quản trị cơ sở giáo dục phổ thông theo tiếp cận quản trị dịch vụ giáo dục*, mã số B2019-VKG-02.
- [11] Nguyễn Thị Hồng Vân, (2022), *Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn để đề xuất thi điểm tự chủ tại một số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông*, mã số B2020-VKG-01NV.
- [12] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*.

## CURRENT STATUS AND ORIENTATION OF EDUCATIONAL ADMINISTRATION RESEARCH

Trịnh Thị Anh Hoa\*<sup>1</sup>, Nguyễn Đức Minh<sup>2</sup>,  
Nguyễn Lê Văn Dung<sup>3</sup>, Phạm Thị Bích Đào<sup>4</sup>,  
Trịnh Văn Hà<sup>5</sup>

\* Corresponding author

<sup>1</sup> Email: hoatta@vnies.edu.vn

<sup>2</sup> Email: minhnd@vnies.edu.vn

<sup>3</sup> Email: dungnlv@vnies.edu.vn

<sup>4</sup> Email: daoptb@vnies.edu.vn

<sup>5</sup> Email: hatv@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences  
101 Tran Hung Dao street, Hoan Kiem district,  
Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** Educational administration science is a component of educational sciences, playing a crucial role in making policy and developing educational guidelines and policies of the Party and the State and providing a scientific theoretical system as a basis for educational management practice. This research includes aspects such as policies, educational development strategies, planning, educational forecasting, management, educational institution administration, human resource development management, etc. The article addresses the current status of educational administration research over the past ten years, analyzes and evaluates its achievements and contributions to the development of educational sciences and education, and points out its limitations as well, thereby proposing research directions in the future.

**KEYWORDS:** Educational science, administration science, scientific research, scientific research on educational administration.